



## BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Tại ngày 11 tháng 11 năm 2025 / As at 11 Nov 2025

|                                                               |                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1 Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br>Fund Management Company: | <b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam</b><br>Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company |
| <b>2 Ngân hàng giám sát:</b><br>Supervisory bank:             | <b>Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)</b><br>Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited                        |
| <b>3 Tên Quỹ:</b><br>Fund name:                               | <b>Quỹ ETF DCVFMVN30 (E1VFN30)</b><br>DCVFMVN30 ETF (E1VFN30)                                                               |
| <b>4 Mã chứng khoán:</b><br>Securities Code:                  | <b>E1VFN30</b><br>E1VFN30                                                                                                   |
| <b>5 Ngày lập báo cáo:</b><br>Reporting Date:                 | <b>12 tháng 11 năm 2025</b><br>12-Nov-2025                                                                                  |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT No.  | Chi tiêu Criteria                                         | Mã số Code | KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 11/11/2025 | KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 10/11/2025 |
|----------|-----------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------|---------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Giá trị tài sản ròng Net Asset Value</b>               |            |                                   |                                 |
| 1.1      | của quỹ/ of the Fund                                      |            | 5,690,310,938,183                 | 5,636,846,408,969               |
| 1.2      | của một lô chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of Fund Certificate |            | 3,218,501,661                     | 3,188,261,543                   |
| 1.3      | của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate               |            | 32,185.01                         | 31,882.61                       |



**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
Authorised Representative of Supervisory Bank

**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**  
**Vũ Quang Phan**  
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ



**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ**  
Authorised Representative of Fund Management Company

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Ninh Thị Tuệ Minh**  
Trưởng phòng Kế toán Quỹ